



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được
soát xét cho kỳ hoạt động từ
ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến
ngày 30 tháng 06 năm 2020**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán	7 – 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33

VAS
CHI
ÔNG
KIỂM
SAC
* 4N

200
C
C
C
C
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Hồ Tấn Luật	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Hoàng Khện	Thành viên
- Ông Phạm Phước Tài	Thành viên
- Ông Huỳnh Công Tấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/06/2020)
- Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/06/2020)
- Ông Trịnh Kiên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/06/2020)

Ngày 28/06/2020, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, bầu lại Hội đồng quản trị cho Công ty nhiệm kỳ II từ năm 2020 đến 2025.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Bà Mai Thị Hiền	Trưởng ban
- Bà Văn Hải Lý	Kiểm soát viên
- Bà Phan Thị Hà Thanh	Kiểm soát viên

Ngày 28/06/2020, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, bầu lại Ban kiểm soát cho Công ty nhiệm kỳ II từ năm 2020 đến 2025. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ I được tiếp tục bổ nhiệm cho nhiệm kỳ II.

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Trần Hoàng Khện	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Phước Tài	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Thiện Trí	Kế toán trưởng

Trong 6 tháng đầu năm 2020 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty không có sự thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Hồ Tấn Luật	Chủ tịch HĐQT

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Trần Hoàng Khện, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty nên Ông Trần Hoàng Khện sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2020 cũng như Báo cáo tài chính cả năm 2020.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 7 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

5. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 33.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.460.443.562 VND
- Lỗ khác	(67.352.269) VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.393.091.293 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.175.161.018 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.217.930.275 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** không có

8. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:** không có

9. **Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính nêu trên của Công ty.

10. **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản Báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cà Mau, ngày 27 tháng 8 năm 2020
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

HỒ TẤN LUẬT



Số: 01/2020/SVCT - BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO
KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 30/06/2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau "Công ty" tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Thông qua công tác soát xét, chúng tôi có những nhận xét như sau:

- Đến thời điểm phát hành bản Báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư công nợ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, người mua trả tiền trước ngắn hạn, phải trả người bán ngắn hạn và trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30/06/2020 với số tiền lần lượt là 7.953.478.658 đồng, 546.015.513 đồng, 9.934.311.102 đồng và 5.558.776.518 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên.
- Như đã nêu tại điểm (f1) và (h) mục V.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, năm 2018, Công ty đã thanh toán cho người lao động, bao gồm án phí và các khoản bồi thường cho người lao động về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty thuộc giai đoạn sau cổ phần hóa số tiền 4.252.072.473 đồng và giai đoạn trước cổ phần hóa số tiền 4.655.241.198 đồng đang được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán. Theo chủ trương của HĐQT tại Phương án số PA 06/PA.THA – CNCM ngày 01/08/2019, Công ty sẽ rà soát trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan để xử lý cho phù hợp. Do vậy, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi khoản phải thu này.
- Như đã nêu tại điểm (&) mục V.6 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi phí trám lấp các giếng khoan không còn sử dụng được tại ngày 30/06/2020 đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán số tiền 617.361.819. Khoản chi phí này sẽ không hình thành tài sản trong tương lai nhưng chưa được Công ty ghi nhận vào chi phí.

- Như đã nêu tại điểm (vii) mục V.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến việc Di dời trạm cấp nước gần Bệnh viện Sản Nhi còn đang theo dõi trên tại khoản "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 số tiền 2.868.661.812 đồng. Đến nay, việc di dời này đã hoàn thành và chi phí di dời xây dựng trạm cấp nước mới đã được ghi nhận vào Tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị là 3.007.291.101 đồng. Do Công ty chưa thống nhất giá đền bù này nên đến nay chưa xử lý vào thu nhập.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã nêu tại điểm (f3) mục V.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng chi phí cổ phần hóa được Công ty ghi nhận ở khoản mục phải thu về cổ phần hóa số tiền 3.857.943.287 đồng. Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Công ty vẫn chưa phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Như đã nêu tại điểm (f2) mục V.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Năm Căn để cổ phần hóa theo chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hộ là 13.257.109.610 đồng. Các tài sản Công ty giữ hộ cho Xí Nghiệp Năm Căn thực tế vẫn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Năm Căn nhưng không được trích khấu hao cũng như phân bổ chi phí tương ứng vào Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp Năm Căn trong giai đoạn từ sau cổ phần hóa đến nay. Việc xử lý giá trị này sẽ tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỉnh Cà Mau.
- Như đã nêu tại mục V.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được phê duyệt và Công ty chưa nộp các khoản tiền từ việc cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần và khoản thoái vốn của Nhà nước cũng như chưa bù trừ, xử lý các khoản công nợ có liên quan. Việc xử lý giá trị này sẽ tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỉnh Cà Mau.
- Như đã nêu tại mục VI.13 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả liên quan đến phí dịch vụ môi trường rừng do địa phương chưa thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cũng như chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn vấn đề này.



Đặng Thị Thiên Nga

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2018-107-1

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 27 tháng 8 năm 2020

Nga

Lê Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3578-2016-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.944.489.077	82.686.084.191
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	27.963.211.203	34.693.253.372
1. Tiền	111		2.654.992.025	727.229.633
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.308.219.178	33.966.023.739
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	45.065.595.662	35.842.504.449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7.953.478.658	3.766.230.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.558.776.518	3.079.810.908
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		31.553.340.486	28.996.463.007
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	11.416.461.266	11.277.372.544
1. Hàng tồn kho	141		11.416.461.266	11.277.372.544
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		499.220.946	872.953.826
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		88.627.578	872.953.826
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.9	410.593.368	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.291.719.809	263.907.377.483
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		221.784.863.293	222.259.990.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	217.718.896.637	219.207.753.148
- Nguyên giá	222		385.863.303.895	375.228.753.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.144.407.258)	(156.021.000.313)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	4.065.966.656	3.052.236.888
- Nguyên giá	228		4.341.910.595	3.303.751.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.943.939)	(251.514.434)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		4.627.696.884	11.826.214.920
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	4.627.696.884	11.826.214.920
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		28.879.159.632	29.821.172.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	28.879.159.632	29.821.172.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.236.208.886	346.593.461.674

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		164.139.619.639	177.714.802.702
I. Nợ ngắn hạn	310		145.650.165.392	155.906.318.838
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	v.8	9.934.311.102	13.069.541.186
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	v.8	546.015.513	928.502.093
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	v.9	2.627.763.826	1.754.392.875
4. Phải trả người lao động	314		3.594.474.626	7.601.548.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	v.10	4.295.020.337	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	v.11	121.482.176.918	121.407.921.996
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	v.12	4.584.052.626	11.144.411.952
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.413.649.556)	-
II. Nợ dài hạn	330		18.489.454.247	21.808.483.864
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	2.386.658.304
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	v.12	18.489.454.247	19.421.825.560
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.096.589.247	168.878.658.972
I. Vốn chủ sở hữu	410	v.13	176.096.589.247	168.878.658.972
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.531.715.873	1.531.715.873
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		892.111.096	892.111.096
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.323.762.278	11.105.832.003
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.105.832.003	1.354.391.175
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.217.930.275	9.751.440.828
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.236.208.886	346.593.461.674

Trần Ngọc Thúy

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trí
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Khện

Tổng Giám Đốc

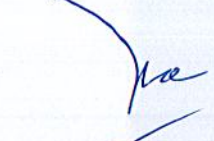
Cà Mau, ngày 27 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANHCho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		66.711.619.107	57.278.500.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	66.711.619.107	57.278.500.517
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.511.457.021	42.181.428.348
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		20.200.162.086	15.097.072.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.458.403	6.244.290
7. Chi phí tài chính	22		746.410.990	647.538.705
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		746.410.990	647.538.705
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	2.475.112.052	3.062.599.263
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.522.653.885	8.136.925.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.460.443.562	3.256.253.228
11. Thu nhập khác	31	VI.6	24.573.564	573.346.123
12. Chi phí khác	32	VI.7	91.925.833	30.039.098
13. Lợi nhuận khác	40		(67.352.269)	543.307.025
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.11	8.393.091.293	3.799.560.253
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.175.161.018	779.912.050
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.11	7.217.930.275	3.019.648.203
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	465	194
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Trần Ngọc Thúy
Người lập


Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng




Trần Hoàng Khện
Tổng Giám đốc
Cà Mau, ngày 08 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	71.990.895.830	65.332.685.479
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(29.710.523.909)	(30.657.019.598)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.822.936.670)	(20.590.652.272)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(746.410.990)	(647.538.705)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(501.783.863)	(1.200.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.087.881.697	5.032.124.812
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.263.167.884)	(17.702.585.579)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.033.954.211	(432.985.863)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.275.720.545)	(9.164.327.336)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.454.804	6.244.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.271.265.741)	(9.158.083.046)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.105.694.500	3.493.062.991
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.598.425.139)	(1.389.911.089)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.492.730.639)	2.103.151.902
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.730.042.169)	(7.487.917.007)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.693.253.372	47.060.604.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.963.211.203	39.572.687.716

Trần Ngọc Thúy

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Khện
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 27 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ – UBND ngày 21/08/2012 của UBND tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 155.349.000.000 bao gồm 15.534.900 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 với tỷ lệ sở hữu như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	11.105.700	111.057.000.000	71,49%
- Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	3.492.700	34.927.000.000	22,48%
- Các cổ đông khác	936.500	9.365.000.000	6,03%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 là 155.349.000.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch và các dịch vụ có liên quan.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** không có.

6. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 7 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà mau.

7. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

II. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

Các kỳ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. **Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. **Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn**

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 60.705.676.315 (tại ngày 01/01/2020 là 73.220.234.647), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty không gặp vấn đề gì về thanh toán nợ ngắn hạn vì phần lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

giá trị các khoản phải trả liên quan đến Ngân sách Nhà nước và người lao động. Đây là các khoản phải trả đang chờ Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền xử lý và quyết toán cổ phần hóa.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 30/06/2020, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	không khấu hao
- Phần mềm kế toán	05 - 06 năm

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn ngoại trừ khoản tiền gửi có kỳ hạn. Tuy nhiên, toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn là khoản công nợ chờ quyết toán cổ phần hóa với Ngân sách Nhà nước nên Công ty ghi nhận vào khoản mục phải trả ngân sách mà không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty.

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo Công văn số 778/LĐT BXH – GDNNVL ngày 22/04/2020 của Sở Lao động Thương Binh Xã hội Tỉnh Cà Mau và Quyết định số 706/QĐ – UBND ngày 27/04/2020 của UBND tỉnh Cà Mau và đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ, đã nhận được từ nhà cung cấp hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ, chứng từ kế toán và chi phí sản xuất kinh doanh cần phải trích trước chi phí.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

15. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm tài chính 2020, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 đã được Quốc Hội thông qua ngày 19/06/2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 nếu tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đã tạm xác định giảm 30% số thuế TNDN phải nộp. Việc quyết toán thuế TNDN với ngân sách sẽ được xác định cho cả năm tài chính 2020.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Số dư đầu kỳ

Số dư đầu năm tại ngày 01/01/2020 là số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020		01/01/2020
Tiền mặt	527.850.912		310.749.569
Tiền gửi ngân hàng	2.127.141.113 (a)		416.480.064
Các khoản tương đương tiền	25.308.219.178 (b)		33.966.023.739
Cộng	27.963.211.203		34.693.253.372

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, CN Cà Mau	237.839.034
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau	1.003.614.947
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN, CN Cà Mau	56.197.389
- Ngân hàng Phát triển VN, Khu vực Minh Hải	19.527.344
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN, CN Đất Mũi	219.630.125
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNN, CN Cà Mau	194.599.513
- Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Cà Mau	249.490.771
- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. HCM, CN Cà Mau	146.241.990
Cộng	2.127.141.113

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau - TKCKH 3T	25.308.219.178
Cộng	25.308.219.178

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn này là khoản tiền chờ quyết toán cổ phần hóa với Ngân sách Nhà nước nên lãi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn này được Công ty ghi nhận vào khoản mục phải trả mà không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Tại thời điểm 30/06/2020, tổng tiền lãi lũy kế phải trả là 4.105.454.723.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	30/06/2020		01/01/2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.953.478.658 (c)		3.766.230.534
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.558.776.518 (d)		3.079.810.908
Phải thu ngắn hạn khác	31.553.340.486 (e)		28.996.463.007
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-		-
Cộng	45.065.595.662		35.842.504.449

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
- Phải thu các công trình xây lắp	800.622.901	989.750.901
- Phải thu tiền nước và lắp đặt ống nhánh	7.152.855.757	2.776.479.633
Cộng	7.953.478.658	3.766.230.534

Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu các công trình xây lắp	800.622.901	-
- Phải thu tiền nước	7.152.855.757	-
Cộng	7.953.478.658	-

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30/06/2020 như sau:

Người bán	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Công ty TNHH TVXDHTTK & MT Thanh Hưng	617.372.700	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất	206.265.819	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lê Vy	1.506.037.000	-
- Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam	609.117.500	-
- Công ty TNHH LĐTĐB Thi công Thuận Phát	858.859.000	-
- Công ty TNHH XD & TTNT Thanh Phương	497.875.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.263.249.499	-
Cộng	5.558.776.518	-

(e) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
- Dư Nợ 138 – Phải thu khác (f)	25.382.746.624	22.665.317.200
- Dư Nợ 141 – Tạm ứng	1.205.491.100	1.366.046.644
- Dư Nợ 244 – Ký quỹ (g)	309.861.564	309.857.965
- Dư Nợ 338 – Phải trả khác (h)	4.655.241.198	4.655.241.198
Cộng	31.553.340.486	28.996.463.007

(f) Chi tiết số dư Nợ TK 138 - Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2020 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu liên quan đến khiếu nại của người lao động sau cổ phần hóa (f1)	4.252.072.473	-
- Tài sản Dự án Năm Căn (f2)	13.257.109.610	-
- Phải thu phí bảo vệ môi trường	876.189.587	-
- Phải thu chi phí cổ phần hóa (f3)	3.857.943.287	-
- Phải thu cổ phần hóa về cổ phần ưu đãi (f4)	2.377.200.000	-
- Các khoản phải thu khác	762.231.667	-
Cộng	25.382.746.624	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(f1) Đây là khoản Công ty đã thanh toán cho người lao động, bao gồm án phí và các khoản bồi thường cho người lao động về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty thuộc giai đoạn sau cổ phần hóa. Theo chủ trương của HĐQT tại Phương án số PA 06/PA.THA – CNCM ngày 01/08/2019, Công ty sẽ rà soát trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan để xử lý cho phù hợp.

(f2) Khoản phải thu này bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Năm Căn để cổ phần hóa theo chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hộ. Việc xử lý giá trị này sẽ tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỉnh Cà Mau. Giá trị phát sinh tăng trong kỳ liên quan đến chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt sẽ được quyết toán đối trừ với nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại của Xí nghiệp Năm Căn. Các tài sản Công ty giữ hộ cho Xí nghiệp Năm Căn thực tế vẫn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Năm Căn nhưng không được trích khấu hao cũng như phân bổ chi phí tương ứng vào Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp Năm Căn trong giai đoạn từ sau cổ phần hóa đến nay.

(f3) Đây là chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa. Công ty hiện đang xin ý kiến UBND tỉnh Cà Mau để quyết toán các khoản chi phí này.

(f4) Đây là khoản phải thu về việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động khi thực hiện cổ phần hóa tương ứng với khoản phải trả về cổ phiếu ưu đãi. Công ty hiện đang xin ý kiến UBND tỉnh Cà Mau để quyết toán với Ngân sách Nhà nước, do vậy chưa thực hiện bù trừ với phần nợ phải trả khác tại mục 11 của bản thuyết minh này.

(g) Chi tiết số dư các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau	275.250.000
- Bảo lãnh dự thầu công trình di dời ống nước	30.000.000
- Lãi ký quỹ và ký quỹ khác	4.611.564
Cộng	309.861.564

(h) Đây là khoản Công ty đã thanh toán cho người lao động, bao gồm án phí và các khoản bồi thường cho người lao động về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty thuộc giai đoạn trước cổ phần hóa. Theo chủ trương của HĐQT tại Phương án số PA 06/PA.THA – CNCM ngày 01/08/2019, Công ty sẽ rà soát trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan để xử lý cho phù hợp.

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	30/06/2020		01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	11.390.749.108	(j)	8.392.860.371
Công cụ, dụng cụ trong kho	25.712.158		25.712.158
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-		25.485.545
Cộng giá gốc hàng tồn kho	11.416.461.266		8.444.058.074

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(i) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại các đơn vị trực thuộc tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
- Văn phòng Công ty	9.291.723.428
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty	2.072.923.528
- Nhiên liệu	26.102.152
Cộng	11.390.749.108

4. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/06/2020
Nguyên giá	375.228.753.461	221.701.413.734	211.066.863.300	385.863.303.895
- Nhà cửa, vật kiến trúc	229.539.833.814	-	208.100.435.492	21.439.398.322
- Máy móc, thiết bị	12.192.642.250	1.671.870.000	2.966.427.808	10.898.084.442
- PT vận tải, TB truyền dẫn	132.777.575.822	218.905.560.717	-	351.683.136.539
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	718.701.575	1.123.983.017	-	1.842.684.592
Hao mòn lũy kế	156.021.000.313	93.033.807.673	80.910.400.728	168.144.407.258
- Nhà cửa, vật kiến trúc	92.022.486.037	860.881.884	79.602.020.703	13.281.347.218
- Máy móc, thiết bị	7.933.539.696	302.703.082	1.301.874.940	6.934.367.838
- PT vận tải, TB truyền dẫn	55.498.185.207	90.932.946.144	6.505.085	146.424.626.266
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	566.789.373	937.276.563	-	1.504.065.936
Giá trị còn lại	219.207.753.148			217.718.896.637
- Nhà cửa, vật kiến trúc	137.517.347.777			8.158.051.104
- Máy móc, thiết bị	4.259.102.554			3.963.716.604
- PT vận tải, TB truyền dẫn	77.279.390.615			205.258.510.273
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	151.912.202			338.618.656

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
Tăng do mua sắm	874.102.727
- Hệ thống máy phát điện	837.350.000
- TSCĐ hữu hình khác	36.752.727
Tăng do kết chuyển từ công trình XD CB sang	10.042.200.983
- Nhà máy cấp nước số 2 Thành phố Cà Mau	1.256.345.837
- Hệ thống cấp nước Nhà máy cấp nước số 1	1.282.256.174
- Dự án Trạm bơm số 1 và 17	3.007.291.101
- Lắp đặt tuyến ống, mạng lưới cấp nước và các tài sản khác	4.496.307.871
Tăng do phân loại lại khoản mục TSCĐ	210.785.110.024
Cộng	221.701.413.734

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Thanh lý thiết bị trạm bơm và nhà làm việc do phải GPMB	281.753.276
- Giảm do phân loại lại danh mục tài sản	210.785.110.024
Cộng	211.066.863.300

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm	12.338.647.903
- Điều chuyển khấu hao do phân loại lại tài sản	80.695.159.770
Cộng	93.033.807.673

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Khấu hao giảm do thanh lý tài sản	215.240.958
- Điều chuyển khấu hao do phân loại lại tài sản	80.695.159.770
Cộng	80.910.400.728

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.543.742.422
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/06/2020
Nguyên giá	3.303.751.322	1.038.159.273	-	4.341.910.595
Quyền sử dụng đất	2.957.468.848	587.840.182	-	3.545.309.030
Phần mềm quản lý	346.282.474	450.319.091	-	796.601.565
Hao mòn lũy kế	251.514.434	24.429.505	-	275.943.939
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm quản lý	251.514.434	24.429.505	-	275.943.939
Giá trị còn lại	3.052.236.888			4.065.966.656
Quyền sử dụng đất	2.957.468.848			3.545.309.030
Phần mềm quản lý	94.768.040			520.657.626

Chi tiết tài sản cố định vô hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
Tăng do mua sắm	
- Quyền sử dụng đất Trạm Quách Phẩm – Đầm Dơi	587.840.182
- Phần mềm ghi thu online	450.319.091
Cộng	1.038.159.273

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm	24.429.505
Cộng	24.429.505
- Giá trị còn lại của TSCĐVH đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có	
- Nguyên giá TSCĐVH cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có	
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có	
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có	

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Trạm cấp nước Trần Văn Thời	323.456.958	-
- Trạm cấp nước Đầm Dơi	207.680.592	-
- Trạm cấp nước Cái Nước	296.820.882	-
- San lấp mặt bằng, sân đường, nền giếng... Trạm Cấp nước Số 2 Đầm Dơi	593.168.182	-
- Trám lấp các giếng khoan không còn sử dụng	424.313.637	-
- Giếng khoan khai thác nước ngầm số 4 và 5 (&)	-	1.768.791.819
- Trạm bơm số 1	-	3.007.291.101
- Các công trình khác	2.782.256.633	7.050.132.000
Cộng	4.627.696.884	11.826.214.920

(&) Các giếng khoan này sẽ không còn sử dụng nên sẽ không hình thành nên tài sản của Công ty trong tương lai.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Chi phí lắp đặt ống nhánh, chi phí nhân công lắp đặt thủy lượng kế chờ phân bổ	14.144.163.680	16.789.283.648
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	10.961.060.506	4.862.998.251
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.773.935.446	8.168.890.628
Cộng	28.879.159.632	29.821.172.527

8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản mục	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	9.934.311.102 (j)	13.069.541.186
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	546.015.513 (k)	928.502.093
Cộng	10.480.326.615	13.998.043.279

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(j) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
- BQL dự án Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau	1.319.447.532
- Viễn Thông Cà Mau	495.351.000
- Các nhà cung cấp khác	8.119.512.570
Cộng	9.934.311.102

(k) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
- Khách hàng trả trước tiền xây lắp theo tiến độ	503.985.845
- Khách hàng trả trước tiền lắp đặt ống ngành và vô nước sạch	42.029.668
Cộng	546.015.513

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp				
- Thuế GTGT đầu ra (872.953.826)	1.442.417.472	980.057.014	(410.593.368)	
- Thuế TNDN 331.530.352	1.175.161.018	501.783.863	1.004.907.507	
- Thuế TNCN -	53.823.938	53.823.938		
- Thuế tài nguyên 502.889.135	3.326.676.600	3.272.027.700	557.538.035	
- Thuế nhà đất -	2.575.669	2.575.669		
- Các loại thuế khác 546.000	32.964.390	32.964.390	546.000	
- Phí, lệ phí và PN khác 919.427.388	6.778.324.051	6.632.979.155	1.064.772.284	
Cộng	881.439.049	12.811.943.138	11.476.211.729	2.217.170.458

Theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo Công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/07/2016 của UBND tỉnh Cà Mau thì tỉnh Cà Mau chưa thành lập Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng. Ngày 14/07/2020, Sở Tài Chính Cà Mau đã có đã có Công văn số 2197/STC-GCS thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh giá nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với các yếu tố cấu thành đơn giá nước hiện tại, trong đó có bao gồm cả phí dịch vụ môi trường rừng nêu trên.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.295.020.337 (l)	-
Cộng	4.295.020.337	-

(l) Đây là khoản chi phí Công ty trích trước cho giai đoạn 6 tháng đầu năm tương ứng với doanh thu đã ghi nhận do một số khoản chi chưa có hóa đơn chứng từ.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	384.606.477	350.952.550
- Tạm ứng vốn thi công (i)	5.400.000.000	5.400.000.000
- Quỹ tiền lương trước 2006 chưa chi	193.056.847	195.119.558
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi trước CPH chưa chi (ii)	4.048.929.521	7.009.698.028

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thuế tài nguyên phải hoàn lại cho NS (iii)	8.422.722.654	8.422.722.654
- Phải trả cổ phần hóa (40% cổ phần ưu đãi) (iv)	2.377.200.000	2.377.200.000
- Phải trả Ngân sách Nhà nước (v)	30.291.229.630	30.291.229.630
- Phải trả Ngân sách Nhà nước từ bán đấu giá cổ phần lần 1 (v)	18.641.000.000	18.641.000.000
- Lãi tiền gửi từ việc bán cổ phần (v)	4.105.454.723	3.338.460.425
- Phải trả Ngân sách Nhà nước từ cổ phần thoái vốn năm 2018	29.236.994.442	29.236.994.442
- Dự án cấp nước, mở rộng và nâng cấp XN cà Mau (vi)	9.548.880.824	8.859.184.490
- Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng Trạm cấp nước gần Bệnh viện Sản Nhi (vii)	2.868.661.812	2.868.661.812
- Lợi nhuận sau thuế của Năm Căn nộp NS (viii)	1.386.177.226	1.386.177.226
- Cổ tức phải trả	39.262.819	68.711.677
- Các khoản phải trả khác	4.537.999.943	2.961.809.474
Cộng	121.482.176.918	121.407.921.966

(i) Đây là khoản tạm ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện thi công công trình cấp nước nhưng đến nay Công ty chưa quyết toán.

(ii) Đây là số dư quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho người lao động trước khi cổ phần hóa. Hiện nay, Công ty đang thực hiện chi trả dần theo phương án từ năm 2018 đến 2021 đã được phê duyệt.

(iii) Đây là khoản tiền được UBND tỉnh Cà Mau cấp để nộp thuế tài nguyên từ năm 2009 đến năm 2011 vào ngân sách Nhà nước do giai đoạn đó UBND tỉnh Cà Mau yêu cầu Công ty không tăng đơn giá nước và không tính thuế tài nguyên vào đơn giá nước nhưng sau đó Kiểm toán Nhà nước vẫn quyết định truy thu thuế tài nguyên.

(iv) Đây là khoản phải trả liên quan đến chênh lệch giữa mệnh giá và giá cổ phần ưu đãi bán cho người lao động khi cổ phần hóa chờ quyết toán chi phí cổ phần hóa với Ngân sách.

(v) Đây là khoản phải nộp về Ngân sách Nhà nước từ việc cổ phần hóa đang chờ phê duyệt quyết toán. Tiền chưa trả từ nguồn phải trả này Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn với số dư tại 30/06/2020 là 25.308.219.178 đồng. Lãi tương ứng từ nguồn gửi tiết kiệm này Công ty không ghi nhận vào thu nhập của Công ty mà sẽ được quyết toán chi phí cổ phần hóa với ngân sách Nhà nước.

(vi) Đây là kinh phí hoạt động liên quan đến Dự án cấp nước, mở rộng và nâng cấp Xí Nghiệp Cà Mau. Khoản này sẽ được quyết toán với Ban quản lý dự án.

(vii) Đây là giá trị đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến việc Di dời trạm cấp nước gần Bệnh viện Sản Nhi. Đến nay, việc Di dời này đã hoàn thành nhưng Công ty chưa thống nhất giá đền bù này nên chưa xử lý vào thu nhập.

(viii) Đây là lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất từ trước năm 2019 của Xí nghiệp Cấp nước Năm Căn được Công ty đang theo dõi và quản lý hộ theo Quyết định của UBND tỉnh Cà Mau. Khoản lợi nhuận này sẽ được dùng để bù đắp cho công tác cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước của Xí Nghiệp Năm Căn. Toàn bộ tài sản cố định hữu hình, vô hình cũng như các chi phí chờ phân bổ của Xí Nghiệp Năm Căn đang

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

được Công ty giữ hộ theo dõi trên Tài khoản 138 – Phải trả khác với tổng giá trị là 13.257.109.610 đã không được phân bổ vào chi phí kinh doanh của Xí nghiệp Năm Căn.

12. Vay ngắn hạn và dài hạn

Ngân hàng	30/06/2020	01/01/2020
Vay ngắn hạn	4.584.052.626 (m)	11.144.411.952
Vay dài hạn	18.489.454.247 (m)	19.421.825.560
Cộng	23.073.506.873	30.566.237.512

(m) Chi tiết số dư khoản ngắn hạn và dài hạn tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số tiền
Vay ngắn hạn	4.584.052.626
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, CN Cà Mau (i)	2.719.310.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay lại từ nguồn vốn ODA - Vay dài hạn đến hạn trả) (ii)	1.864.742.626
Vay dài hạn	18.489.454.247
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay lại từ nguồn vốn ODA) (ii)	18.489.454.247
Cộng	23.073.506.873

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Cà Mau với hạn mức là 15 tỷ, duy trì đến ngày 20/05/2021. Kỳ hạn vay không quá 3 tháng, lãi suất điều chỉnh 1 lần 1 tháng, lãi vay được trả vào ngày 26 mỗi tháng. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khu vực Minh Hải là khoản vay lại từ nguồn vốn ODA với thời hạn vay là 24 năm, lãi suất cố định 5%/năm. Ngày bắt đầu giải ngân là 17/10/2006. Khoản vay dùng để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Cà Mau. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Gốc phải trả hàng năm là 1.864.742.626.

13. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	155.349.000.000	-	-	155.349.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.285.471.517	246.244.356	-	1.531.715.873
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	892.111.096	-	-	892.111.096
- Lợi nhuận ST chưa PP	10.539.800.723	9.751.440.828	9.185.409.548	11.105.832.003
Cộng	168.066.383.336	9.997.685.184	9.185.409.548	168.878.658.972

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu giai đoạn tài chính này

Khoản mục	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/06/2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	155.349.000.000	-	-	155.349.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.531.715.873	-	-	1.531.715.873
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	892.111.096	-	-	892.111.096
- Lợi nhuận ST chưa PP	11.105.832.003	7.217.930.275	-	18.323.762.278
Cộng	168.878.658.972	7.217.930.275	-	176.096.589.247

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	11.105.700	111.057.000.000	71,49%
- Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	3.492.700	34.927.000.000	22,48%
- Các cổ đông khác	936.500	9.365.000.000	6,03%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	155.349.00.000	155.349.00.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	155.349.00.000	155.349.00.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.313.131.971

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/06/2020, Đại hội đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019, trong đó cổ tức được chia là 6.826.000.000 đồng. Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện trong Quý III năm 2020.

(d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(e) Cổ phiếu

	Kỳ này	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.534.900	15.534.900
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	15.534.900
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Cung cấp nước	65.557.437.800	51.574.523.202
- Lắp đặt ống nhánh, xây lắp	1.151.450.035	5.664.223.249
- Dịch vụ khác	2.731.272	39.754.066
Cộng	66.711.619.107	57.278.500.517

2. Giá vốn hàng bán

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ cấp nước	45.877.802.784	37.009.260.920
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ LĐON, XL	633.654.237	5.172.167.428
- Dịch vụ khác	-	-
Cộng	46.511.457.021	42.181.428.348

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Thu lãi tiền gửi ngân hàng	4.458.403	6.244.290
Cộng	4.458.403	6.244.290

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí nhân viên	1.887.280.740	1.477.268.494
- Chi phí thăm dò khai thác nước	-	995.142.728
- Chi phí bằng tiền khác	587.831.312	590.188.041
Cộng	2.475.112.052	3.062.599.263

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.499.439.770	4.976.358.582
- Chi phí khấu hao TSCĐ	499.839.617	302.672.405
- Thuế, phí và lệ phí	15.575.669	40.568.639
- Chi phí bằng tiền khác	3.507.798.829	2.817.325.637
Cộng	8.522.653.885	8.136.925.263

6. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Thu hồi vật tư thừa	24.573.564	196.470.455
- Nhập vật tư tái sử dụng	-	145.487.547
- Thu nhập khác	-	231.388.121
Cộng	24.573.564	573.346.123

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi thanh lý TSCĐ	66.512.318	-
- Xử lý hàng thiếu trong kiểm kê	24.497.535	-
- Chi phí khác	915.980	30.039.098
Cộng	91.925.833	30.039.098

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí nguyên vật liệu	8.233.185.153	6.853.301.657
- Chi phí nhân công	10.816.676.235	18.848.902.578
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.863.237.791	11.959.668.905
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.962.973.838	2.435.476.481
- Chi phí khác bằng tiền	4.607.642.385	10.906.416.672
Cộng	41.483.715.402	51.003.766.293

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	1.175.161.018	779.912.050
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.175.161.018	779.912.050

10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDNHL	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế giai đoạn tài chính này	8.393.091.293
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	915.980
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	-
Lợi nhuận chịu thuế giai đoạn tài chính này	8.394.007.273
Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%) – được giảm 30%	1.175.161.018
Lợi nhuận sau thuế giai đoạn tài chính này	7.217.930.275
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2020	11.105.832.003
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30/06/2020	18.323.762.277

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận sau thuế	7.217.930.275	3.019.648.203
- Trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.217.930.275	3.019.648.203
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	15.534.900	15.534.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	465	194

13. Công nợ tiềm tàng

Theo nghị định số 99/2010/NC-CP ngày 24/09/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/07/2016 của UBND tỉnh Cà Mau thì Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Cà Mau chưa thành lập, đồng thời các cơ quan có thẩm quyền chưa có văn bản hướng dẫn Công ty thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, do đó, Công ty chưa thực hiện ghi nhận và phản ánh nghĩa vụ phải trả tương ứng với giá trị ước tính từ năm 2011 đến 30/06/2020 là 5.941.665.824 (Số liệu ước tính tại 31/12/2019 là 5.423.703.756). Khoản này, về nguyên tắc sẽ cấu thành trong giá bán nước, Công ty chỉ có nghĩa vụ thu hộ và nộp lại cho Ngân sách.

14. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

15. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Các khoản vay	23.073.506.873	26.398.312.148
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	(27.963.211.203)	(39.572.687.716)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	176.096.589.247	162.139.126.347
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại mục IV của bản thuyết minh này.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.963.211.203	39.572.687.716
Phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm số dư Tạm ứng)	38.301.328.044	30.569.094.535
Tổng cộng	66.264.539.247	70.141.782.251

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	23.073.506.873	26.398.312.148
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm Bảo hiểm các loại phải nộp)	131.031.881.543	149.485.695.276
Chi phí phải trả	4.295.020.337	-
Tổng cộng	158.400.408.753	175.884.007.424

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán theo thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Các khoản vay của Công ty là các khoản vay vốn của các Ngân hàng với lãi suất ưu đãi. Công ty đánh giá rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này ở mức thấp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có tránh rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong trong ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.963.211.203	-	-	27.963.211.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.301.328.044	-	-	38.301.328.044
Tổng cộng	66.264.539.247	-	-	66.264.539.247
<i>Số cuối kỳ</i>				
Các khoản vay	4.584.052.626	7.458.970.504	11.030.483.743	23.073.506.873
Phải trả người bán và phải trả khác	131.031.881.543	-	-	131.031.881.543
Chi phí phải trả	4.584.052.626	-	-	4.584.052.626
Tổng cộng	140.199.986.795	7.458.970.504	11.030.483.743	158.689.441.042
Chênh lệch thanh khoản thuần	(73.935.447.548)	(7.458.970.504)	(11.030.483.743)	(92.424.901.795)

<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.572.687.716	-	-	39.572.687.716
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.569.094.535	-	-	30.569.094.535
Tổng cộng	70.141.782.251			70.141.782.251
<i>Số đầu kỳ</i>				
Các khoản vay	6.044.115.275	7.458.970.504	12.895.226.369	26.398.312.148
Phải trả người bán và phải trả khác	147.099.036.972	2.386.658.304	-	149.485.695.276
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	153.0143.152.247	9.845.628.808	12.895.226.369	175.884.007.424
Chênh lệch thanh khoản thuần	(82.691.515.667)	(9.845.628.808)	(12.895.226.369)	(105.432.370.844)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn vì hầu hết các khoản phải trả phần lớn là phải trả ngân sách Nhà nước và người lao động.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Thông tin về các bên liên quan:** không có
- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

5. Thay đổi chính sách kế toán:

Không có

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Những thông tin khác: không có

NGƯỜI LẬP



TRẦN NGỌC THÚY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THIÊN TRỊ

Cà Mau, ngày 27 tháng 8 năm 2020

GIÁM ĐỐC



TRẦN HOÀNG KHỆN

